TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 3 - 2020.
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Răng;

Bà Sơn Thị Vành Đa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Si P; Cư trú: Ấp Sóc X, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Ngọc Hân – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 197, đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị Minh T; Cư trú: Ấp Sóc X, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2019 nguyên đơn anh Trần Si P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 10 tháng 02 năm 2011 anh Trần Si P và chị Thạch Thị Minh T có tổ chức lễ cưới, đến ngày 02 tháng 10 năm 2012, anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 203, quyển số 01/2012, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi

cưới, anh chị chung sống tại ấp Sóc X, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến ngày 01 tháng 5 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên chị T đã bỏ địa phương đi từ ngày 01 tháng 5 năm 2016. Do đó, anh chị không còn chung sống từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh P và chị T có 01 con chung tên Trần Phi L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2012, hiện nay cháu L đang sống chung với anh P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Trần Si P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Si P yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị Minh T.

- Về con chung: Anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Phi L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2012 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Thạch Thị Minh T: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn không có mặt tại địa phương, nên Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Quyết định phân công giải quyết vụ án; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bà Lương Thị Ngọc Hân trình bày: Anh P và chị T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn, con chung giao cho anh P, tài sản chung và nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Si P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.2] Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú ấp Sóc X, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Trần Si P và chị Thạch Thị Minh T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 203, quyển số 01/2012 ngày 02 tháng 10 năm 2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T.

[4] Xét lý do xin ly hôn của anh P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn anh P và chị T chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, anh P và chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ ngày 01/5/2016, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên chị T đã bỏ địa phương đi từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 không có tin tức cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 10/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2019 tuyên bố chị T đã mất tích. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh P và chị T có 01 con chung tên Trần Phi L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2012, hiện nay cháu L đang sống chung với anh P, anh P yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi chị T bỏ nhà đi cho đến nay cháu L do anh P nuôi dưỡng, chăm sóc gần gũi với anh P, về mặt tình cảm thì cháu L gắn bó và yêu mến anh P nhiều hơn chị T, Tòa án có ghi ý kiến cháu L, cháu có nguyện vọng sống chung với anh P, hơn nữa chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu L. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn

nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Trần Phi L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2012 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T là người không trực tiếp nuôi con, nên chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Si P và chị Thạch Thị Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Phi L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2012 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã Phú M;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh